

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí, Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thông qua Phương án đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 103/TTr-SCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Tờ trình số 104/TTr-SCT ngày 02 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, Kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải quyết) tại Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới, 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương theo Quyết định số 2017/QĐ-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020, Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 và thay thế Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, Kinh doanh khí, Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bru điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, P.HCTC;
- Lưu: VT, K6, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC, KINH DOANH KHÍ, BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH (01 TTHC)

Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2017/QĐ-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương								
Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng								
Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương 2.000191	30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Đối tượng thực hiện TTHC; - Cơ quan thực hiện TTHC; - Tên mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. 	-
Tổng cộng: 01 TTHC								

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN (02 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương									
Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước (01 TTHC)									
01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000162.000.00.00.H08)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	Trình tự thực hiện; Thời hạn giải quyết TTHC; Phí, lệ phí; Căn cứ pháp lý	* Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức phí thu theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Tại thị xã, thành phố: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 300.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Tại thị xã, thành phố: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 100.000	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Nghị định số	Không

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							<p>(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) * Từ ngày 01/01/2025 trở đi (mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Tại thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p>	<p>17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày</p>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ	28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương									
Lĩnh vực Kinh doanh khí (01 TTHC)									
02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283.000.00.00.H08)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	Trình tự thực hiện; Thời hạn giải quyết TTHC; Phí, lệ phí; Căn cứ pháp lý	* Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Tại thị xã, thành phố: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 300.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Tại thị xã, thành phố: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Tại huyện: 100.000	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính Phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Không

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							<p>(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>* Từ ngày 01/01/2025 trở đi mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <p>- Đối với tổ chức, doanh nghiệp:</p> <p>+ Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>+ Tại huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:</p> <p>+ Tại thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>+ Tại huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							Thu phí tại thời điểm nộp hồ sơ		
	Tổng cộng: 02 TTHC								

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP XÃ (01 TTHC)

Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Mã số TTHC							
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương							
Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng							
Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên 2.002620	Không quy định	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	Không quy định	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.	-
Tổng cộng: 01 TTHC							